

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**HÌNH THỨC THI:.....Bài tập lớn.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 08/11 đến 17/11/2021****Môn học:....Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh.....****Nhóm: ...01.....****Ngày thi:Đợt 1.....****Giờ thi:.....HK1, 21-22.....****Phòng thi:****Giảng viên giảng dạy: :Trần Xuân An.....**

Mã môn học	Stt	Mã sinh viên	Họ tên học viên		Ngày, tháng, năm sinh	Mã lớp	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
228158	1	2119180003	Trần Ngọc	Ái	23/07/2001	CCQ1918A	5.3	7.0	6.3	
228158	2	2120180001	Nguyễn Thành	An	02/01/2002	CCQ2018A	4.7	7.0	6.1	
228158	3	2120180003	Trần Đức	Chát	26/10/2002	CCQ2018A	5.0	7.0	6.2	
228158	4	2120180005	Hồ Trọng	Danh	07/10/2002	CCQ2018A	5.3	7.0	6.3	
228158	5	2120180006	Bùi Ngọc	Duy	28/02/2002	CCQ2018A	4.7	7.5	6.4	
228158	6	2120180007	Lâm Thành	Duy	06/05/2001	CCQ2018A	5.0	7.5	6.5	
228158	7	2120180008	Nguyễn Hữu	Đạt	12/10/2002	CCQ2018A	4.7	7.5	6.4	
228158	8	2120180009	Phạm Thành	Đạt	12/08/2002	CCQ2018A	4.3	7.5	6.2	
228158	9	2120180041	Trần Tín	Đạt	12/04/2002	CCQ2018B	5.0	7.5	6.5	
228158	10	2120180010	Cao Hải	Đăng	12/06/2002	CCQ2018A	6.3	8.0	7.3	
228158	11	2120180011	Nguyễn Trường	Giang	02/09/2002	CCQ2018A	5.0	8.0	6.8	
228158	12	2120180042	Nguyễn Trường	Hải	17/02/2002	CCQ2018B	6.0	8.0	7.2	
228158	13	2120180012	Nguyễn Văn	Hậu	23/08/2001	CCQ2018A	4.7	8.0	6.7	
228158	14	2120180014	Bùi Trí	Hiệp	19/10/2000	CCQ2018A	5.0	8.0	6.8	
228158	15	2120180013	Nguyễn Văn	Hiếu	03/03/1997	CCQ2018A	6.7	6.5	6.6	
228158	16	2118180058	Võ Trung	Hiếu	05/02/2000	CCQ1818B	5.0	6.5	5.9	
228158	17	2120180016	Nguyễn Anh	Mỹ	17/01/2000	CCQ2018A	6.0	8.5	7.5	
228158	18	2120180017	Hà Hoài	Nam	16/04/2002	CCQ2018A	4.7	6.5	5.8	
228158	19	2120180019	Tạ Trung	Nguyên	06/04/2002	CCQ2018A	5.0	7.5	6.5	
228158	20	2120180020	Nguyễn Khắc	Nhâm	28/09/2002	CCQ2018A	5.0	6.5	5.9	
228158	21	2120180021	Nguyễn Xuân	Nhân	01/06/2002	CCQ2018A	6.0	5.0	5.4	
228158	22	2120180023	Võ Đình	Niên	20/08/2002	CCQ2018A		0.0	0.0	Vắng
228158	23	2120180024	Võ Đình	Phong	08/06/2002	CCQ2018A	5.3	6.0	5.7	
228158	24	2120180025	Hồ Sỹ	Thanh	19/02/2002	CCQ2018A		0.0	0.0	Vắng
228158	25	2119180027	Nguyễn Việt	Thành	11/01/2001	CCQ1918A	5.0	5.0	5.0	
228158	26	2120180026	Nguyễn Văn	Thắng	24/12/2001	CCQ2018A	6.0	8.0	7.2	
228158	27	2120180027	Nguyễn Trường	Thịnh	09/11/2002	CCQ2018A	6.3	8.5	7.6	
228158	28	2120180028	Lê Minh	Thoại	07/02/2002	CCQ2018A	5.0	8.5	7.1	
228158	29	2120180029	Hồ Trung	Tín	27/08/2000	CCQ2018A	6.0	8.0	7.2	
228158	30	2119180074	Nguyễn Lê Trọng	Tính	01/10/2001	CCQ1918B	5.0	8.0	6.8	
228158	31	2120180030	Phạm Minh	Trí	08/03/2002	CCQ2018A	6.7	8.0	7.5	
228158	32	2118180045	Trương Hữu	Trọng	30/03/2000	CCQ1818A	4.7	8.0	6.7	
228158	33	2119180078	Trần Hữu	Trung	17/05/1999	CCQ1918B	4.7	8.0	6.7	
228158	34	2118180078	Huỳnh Trần Nhật	Trường	18/08/2000	CCQ1818B	5.0	8.0	6.8	
228158	35	2120180031	Lê Đan	Trường	20/01/2000	CCQ2018A	4.7	8.0	6.7	
228158	36	2119180079	Nguyễn Quốc	Trường	07/04/2001	CCQ1918B	5.0	7.5	6.5	
228158	37	2120180032	Phạm Quốc	Tuấn	28/01/2002	CCQ2018A	5.0	7.5	6.5	
228158	38	2120180033	Lê Điền	Văn	04/03/2002	CCQ2018A	5.0	8.0	6.8	
228158	39	2120180069	Trần Trịnh Đức	Ý	02/10/2000	CCQ2018B	5.7	7.5	6.8	

Số sinh viên có mặt: 37**Số bài thi: 8****Số sinh viên vắng mặt: 2****Số tờ giấy thi: Trang 2**

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú. Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

.....
Cán bộ chấm thi 1



Nguyễn Đức Nhơn

.....
Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**HÌNH THỨC THI:.....Bài tập lớn.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 08/11 đến 17/11/2021****Môn học:....Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh.....****Nhóm: ...02.....****Ngày thi:Đợt 1.....****Giờ thi:.....HK1, 21-22.....****Phòng thi:****Giảng viên giảng dạy: :Trần Xuân An.....**

Mã môn học	Stt	Mã sinh viên	Họ tên học viên		Ngày, tháng, năm sinh	Mã lớp	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
228158	1	2120180070	Cao Tuấn	Anh	11/11/2002	CCQ2018C	5.5	5.0	5.2	
228158	2	2120180035	Huỳnh Hoàng	Anh	03/11/2002	CCQ2018B	5.0	6.0	5.6	
228158	3	2120170073	Nguyễn Ngọc	Bảo	27/07/2002	CCQ2018C	5.0	6.0	5.6	
228158	4	2120180076	Nguyễn Quốc	Bảo	18/03/2002	CCQ2018C	7.5	5.0	6.0	
228158	5	2120180002	Hứa Thanh	Bình	19/03/2002	CCQ2018A	5.0	5.0	5.0	
228158	6	2120170042	Nguyễn Ngọc	Chiến	12/07/2001	CCQ2018C	5.0	5.0	5.0	
228158	7	2120180079	Huỳnh Hữu	Cường	24/07/2002	CCQ2018C	8.0	5.0	6.2	
228158	8	2120180078	Ngô Đức	Cường	23/09/1998	CCQ2018C	5.0	5.0	5.0	
228158	9	2120180037	Nguyễn Trọng	Dinh	06/01/2002	CCQ2018B	5.0	6.5	5.9	
228158	10	2120180072	Nguyễn Tiên	Dũng	11/11/2002	CCQ2018C	5.0	6.0	5.6	
228158	11	2120180038	Đinh Nhật Trường	Duy	15/05/2002	CCQ2018B	7.0	5.0	5.8	
228158	12	2120180039	Nguyễn Đình	Dương	17/04/2002	CCQ2018B	5.0	5.0	5.0	
228158	13	2120180080	Dương Huỳnh	Đức	10/01/2002	CCQ2018C	8.5	5.0	6.4	
228158	14	2120170394	Phan Huỳnh	Đức	30/11/2002	CCQ2018C	7.0	5.0	5.8	
228158	15	2120180095	Trương Lý Tuấn	Hải	11/09/2001	CCQ2018C	5.0	5.0	5.0	
228158	16	2120180081	Nguyễn Minh	Hiếu	06/11/2001	CCQ2018C	7.0	7.5	7.3	
228158	17	2120180044	Trần Quang	Hiếu	04/02/2002	CCQ2018B	6.5	4.0	5.0	
228158	18	2120180046	Nguyễn Văn	Hòa	02/03/2002	CCQ2018B	5.0	9.0	7.4	
228158	19	2120180082	Lê Đình Huy	Hoàn	30/10/2001	CCQ2018C	7.5	8.5	8.1	
228158	20	2120180048	Đinh Văn	Huy	12/10/2002	CCQ2018B	8.5	4.0	5.8	
228158	21	2120180090	Nguyễn Thanh	Long	26/01/2002	CCQ2018C	6.0	4.5	5.1	
228158	22	2120180051	Lê Minh	Lợi	30/05/2002	CCQ2018B	5.5	8.5	7.3	
228158	23	2120180052	Lê Phi	Luân	08/07/2002	CCQ2018B	5.0	8.5	7.1	
228158	24	2120180053	Nguyễn Đức	Mạnh	11/09/2002	CCQ2018B	5.5	8.5	7.3	
228158	25	2118180033	Phạm Văn	Nam	01/08/2000	CCQ1818A	6.5	8.5	7.7	
228158	26	2120180092	Lê Hồ Quang	Nghị	04/03/2002	CCQ2018C	5.0	8.5	7.1	
228158	27	2120180091	Nguyễn Thế	Nghĩa	20/05/1999	CCQ2018C	8.0	8.5	8.3	
228158	28	2120180055	Dà Kriêng Ha	Ngúy	02/02/2002	CCQ2018B	5.0	8.5	7.1	
228158	29	2120180093	Nguyễn Trần Trọng	Nguyên	13/08/2002	CCQ2018C	5.0	8.5	7.1	
228158	30	2120180057	Đinh Thiên Thiện	Nhân	24/01/2002	CCQ2018B	5.0	6.5	5.9	
228158	31	2120180056	Phạm Đình	Nhân	04/07/2002	CCQ2018B	5.0	8.5	7.1	
228158	32	2120180022	Hồ Trung	Nhật	20/08/2002	CCQ2018A	5.0	8.0	6.8	
228158	33	2120180059	Đỗ Đình	Phước	07/03/2002	CCQ2018B	5.0	6.5	5.9	
228158	34	2120180060	Lê Văn	Sang	19/05/2001	CCQ2018B	5.5	8.0	7.0	
228158	35	2120180061	Nguyễn Thế	Son	11/11/1999	CCQ2018B	8.0	8.0	8.0	
228158	36	2120180086	Trần Ngọc Quang	Tài	16/10/2001	CCQ2018C	0	0	0	Vắng
228158	37	2120180062	Nguyễn Nhựt	Tâm	27/10/2000	CCQ2018B	5.0	8.0	6.8	
228158	38	2120180063	Huỳnh Văn	Thích	26/03/2002	CCQ2018B	5.0	8.0	6.8	
228158	39	2120170166	Đào Mai	Thiện	05/02/2002	CCQ2018C	0	0	0	Vắng
228158	40	2120180064	Hồ Huy	Thọ	20/11/2002	CCQ2018B	5.0	6.0	5.6	
228158	41	2120170211	Nguyễn Văn	Trị	02/10/2001	CCQ2018C	5.5	8.0	7.0	
228158	42	2120180065	Nguyễn Tấn	Trọng	03/10/2002	CCQ2018B	6.5	8.0	7.4	Trang 2

Mã môn học	Stt	Mã sinh viên	Họ tên học viên		Ngày, tháng, năm sinh	Mã lớp	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
228158	43	2120180066	Nguyễn Đình	Truyền	09/11/2002	CCQ2018B	5.0	8.0	6.8	
228158	44	2120180067	Nguyễn Quốc	Việt	25/02/1998	CCQ2018B	6.0	6.0	6.0	
228158	45	2120180068	Nguyễn Xuân	Vinh	26/05/2000	CCQ2018B	0	0	0	Vắng
228158	46	2120060054	Đỗ Hoàng Đình	Vũ	14/12/2000	CCQ2018C	0	0	0	Vắng
228158	47	2120180087	Lê Thanh	Vũ	24/12/2002	CCQ2018C	5.0	8.0	6.8	
228158	48	2120180034	Phan Minh	Vương	12/11/2001	CCQ2018A	5.0	6.5	5.9	

Số sinh viên có mặt: 44

Số bài thi: 10

Số sinh viên vắng mặt: 4

Số tờ giấy thi:

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú. Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

.....

Cán bộ chấm thi 1



Nguyễn Đức Nhon

.....

Cán bộ chấm thi 2



.....